

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 100 /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 18 tháng 4 năm 2018

SỞ TÀI CHÍNH T. TUYÊN QUANG

Ngày 20-04-2018

CÔNG VĂN ĐẾN số: 1585

QUYẾT ĐỊNH

Về việc **Phê duyệt bổ sung các điểm mỏ khoáng sản vào Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 24a/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc Phê duyệt Báo cáo điều chỉnh, bổ sung "Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030";

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 126/TTr-STNMT ngày 06 tháng 4 năm 2018 về việc đề nghị bổ sung "Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030",

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung 11 (mười một) điểm mỏ khoáng sản vào "Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030" đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2017, bao gồm:

- 01 mỏ đá granit với diện tích 18,82 ha.
- 02 mỏ đá vôi với tổng diện tích 10,65 ha.

- 08 mỏ cát, sỏi lòng sông Lô, sông Gâm, sông Phó Đáy với tổng diện tích 210,98 ha.

(Chi tiết tọa độ và diện tích các mỏ thể hiện tại Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này bổ sung cho Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Các nội dung khác tại Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh giữ nguyên, không thay đổi.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4; (thực hiện)
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trưởng phòng: KT, TH, QH&TXD;
- Chuyên viên: KS, ĐC, NLN, CN;
- Lưu: VT. (Đ. 60)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đình Quang



Phụ lục
DANH MỤC CÁC KHU VỰC THĂM DÒ, KHAI THÁC KHOÁNG SẢN GIAI ĐOẠN 2017 - 2030
(Kèm theo Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Phụ lục 1
DANH MỤC CÁC KHU VỰC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN GIAI ĐOẠN 2017 - 2020

STT	Mỏ khoáng sản	Địa điểm (vị trí)	Tọa độ VN 2000 (KTT 106 ⁰ , múi chiều 3 ⁰)		Diện tích (ha)	Thời gian triển khai		Chủ đầu tư dự án
			X (m)	Y (m)		Giai đoạn 2017-2020	Giai đoạn 2021-2030	
I Đá làm vật liệu xây dựng thông thường								
1	Mỏ đá granit thôn Ngòi Lê và thôn Bình Man	Xã Sơn Nam, huyện Sơn Dương	1: 23.80.703 12: 23.81.181	1: 4.44.911 12: 4.45.026	18,82	2017 - 2020		Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Thạch Sơn
2	Mỏ đá vôi thôn Việt Tiến	Xã Thái Bình, huyện Yên Sơn	1: 24.12.391 5: 24.12.188	1: 4.22.578 5: 4.22.786	3,5	2017 - 2020		Công ty cổ phần Công nghiệp Tân Hà
3	Mỏ đá vôi Núi Quậy 1	Xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn	1: 24.00.968 10: 24.00.787	1: 4.15.358 10: 4.15.134	7,15	2017 - 2020		Hợp tác xã kinh doanh, khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng Thắng Lợi
	Tổng cộng				29,47			

STT	Mô khoáng sản	Địa điểm (vị trí)	Tọa độ VN 2000 (KTT 106 ⁰ , múi chiều 3 ⁰)		Diện tích (ha)	Thời gian triển khai		Chủ đầu tư dự án
			X (m)	Y (m)		Giai đoạn 2017-2020	Giai đoạn 2021-2030	
II Cát, sỏi lòng sông								
1	Cát, sỏi lòng sông Lô	Thuộc địa bàn xã An Khang, thành phố Tuyên Quang và xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương	1: 24.08.562 12: 24.07.705	1: 4.23.036 12: 4.22.755	15	2017 - 2020		Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư và Thương mại Nhật Tân
2	Cát, sỏi lòng sông Lô	Thuộc địa bàn xã Đông Thọ, huyện Sơn Dương	1: 23.95.871 8: 23.95.857	1: 4.20.784 8: 4.20.763	10,4	2017 - 2020		Công ty cổ phần khoáng sản Đông Dương AVA
3	Cát, sỏi lòng sông Lô	Thuộc địa bàn xã Vân Sơn, huyện Sơn Dương	1: 23.89.280 19: 23.88.431	1: 4.21.685 19: 4.21.876	6,56	2017 - 2020		
4	Cát, sỏi lòng sông Lô	Thuộc địa bàn xã Tứ Quận, Phúc Ninh, huyện Yên Sơn và xã Đức Ninh, huyện Hàm Yên	1: 24.26.742 16: 24.26.728	1: 4.12.548 16: 4.12.480	16,5	2017 - 2020		Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư và Xây dựng Thành Hưng
5	Cát, sỏi lòng sông Lô	Thuộc địa bàn các xã Yên Phú, Yên Lâm, Minh Khuong, Bạch Xa, huyện Hàm Yên	1: 24.64.608 83: 24.54.722	1: 3.85.997 83: 3.90.956	60	2017 - 2020		Công ty trách nhiệm hữu hạn Hiệp Phú
6	Cát, sỏi lòng sông Lô	Thuộc địa bàn các xã Phù Lưu, Tân Thành, Yên Phú, Tân Yên, huyện Hàm Yên	1: 24.47.341 34: 24.46.934	1: 3.97.885 34: 3.98.178	37,8	2017 - 2020		

STT	Mô khoáng sản	Địa điểm (vị trí)	Tọa độ VN 2000 (KTT 106 ⁰ , múi chiều 3 ⁰)		Diện tích (ha)	Thời gian triển khai		Chủ đầu tư dự án
			X (m)	Y (m)		Giai đoạn 2017-2020	Giai đoạn 2021-2030	
7	Cát, sỏi lòng sông Lô, sông Gâm	Thuộc địa bàn xã Thăng Quân, Phúc Ninh, Tân Long, huyện Yên Sơn	1: 24.23.402 24: 24.24.523	1: 4.14.640 24: 4.17.296	19	2017 - 2020		Công ty cổ phần Công nghiệp Tân Hà
8	Cát, sỏi lòng sông Phó Đáy	Thuộc địa bàn các xã Tuân Lộ, xã Phúc Ứng, xã Hợp Hòa, huyện Sơn Dương	1: 23.96.039 138: 23.91.706	1: 4.37.327 138: 4.40.080	45,78	2017 - 2020		Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lê Phát An
	<i>Tổng cộng:</i>				211,04			



Phụ lục 2

DANH MỤC CÁC KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN GIAI ĐOẠN 2017 - 2030

STT	Mỏ khoáng sản	Địa điểm (vị trí)	Diện tích (ha)	Thời gian triển khai		Chủ đầu tư dự án
				Giai đoạn 2017-2020	Giai đoạn 2021-2030	
I.	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường		29,47			
1	Mỏ đá granit thôn Ngòi Lè và thôn Bình Man	Xã Sơn Nam, huyện Sơn Dương	18,82	2017 - 2020		Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Thạch Sơn
2	Mỏ đá vôi thôn Việt Tiến	Xã Thái Bình, huyện Yên Sơn	3,5	2017 - 2020		Công ty cổ phần Công nghiệp Tân Hà
3	Mỏ đá vôi Núi Quậy 1	Xã Nhữ Khê, huyện Yên Sơn	7,15	2017 - 2020		Hợp tác xã kinh doanh, khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng Thăng Lợi
II	Cát sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường		211,04			
1	Cát, sỏi lòng sông Lô	Thuộc địa bàn xã An Khang, thành phố Tuyên Quang và xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương	15	2017 - 2020		Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư và Thương mại Nhật Tân
2	Cát, sỏi lòng sông Lô	Thuộc địa bàn xã Đông Thọ, huyện Sơn Dương	10,4	2017 - 2020		Công ty cổ phần khoáng sản Đông Dương AVA

STT	Mô khoáng sản	Địa điểm (vị trí)	Diện tích (ha)	Thời gian triển khai		Chủ đầu tư dự án
				Giai đoạn 2017-2020	Giai đoạn 2021-2030	
3	Cát, sỏi lòng sông Lô	Thuộc địa bàn xã Vân Sơn, huyện Sơn Dương	6,56	2017 - 2020		
4	Cát, sỏi lòng sông Lô	Thuộc địa bàn xã Tứ Quận, Phúc Ninh, huyện Yên Sơn và xã Đức Ninh, huyện Hàm Yên	16,5	2017 - 2020		Công ty trách nhiệm hữu hạn Đầu tư và Xây dựng Thành Hưng
5	Cát, sỏi lòng sông Lô	Thuộc địa bàn các xã Yên Phú, Yên Lâm, Minh Khương, Bạch Xa, huyện Hàm Yên	60	2017 - 2020		Công ty trách nhiệm hữu hạn Hiệp Phú
6	Cát, sỏi lòng sông Lô	Thuộc địa bàn các xã Phù Lưu, Tân Thành, Yên Phú, Tân Yên, huyện Hàm Yên	37,8	2017 - 2020		
7	Cát, sỏi lòng sông Lô, sông Gâm	Thuộc địa bàn xã Thắng Quân, Phúc Ninh, Tân Long, huyện Yên Sơn	19	2017 - 2020		Công ty cổ phần Công nghiệp Tân Hà
8	Cát, sỏi lòng sông Phó Đáy	Thuộc địa bàn các xã Tuân Lộ, xã Phúc Ứng, xã Hợp Hòa, huyện Sơn Dương	45,78	2017 - 2020		Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lê Phát An